

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2021

*“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung giữa chị T và anh T1”*

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Diễm

2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã QT, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Bùi Quang T1, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn H, xã QT, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Quang T1 tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT ngày 04/12/2009. Quá trình chung sống đến tháng 5/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 6/2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn K, xã Hồng T1, huyện G, tỉnh Hải Dương sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn, chị xin ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Bùi Thị Như Q sinh ngày 07/02/2011 và Bùi Thảo C sinh ngày 14/11/2016. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thảo Chi, chị để anh Bùi Quang T1 trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thị Như Q. Chị và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 04/5/2021 anh Bùi Quang T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Đặng Thị T đã trình bày. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị T đã trình bày. Ly hôn, anh nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thị Như Q, còn chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Thảo C. Anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh với bà Phạm Thị Biên sinh năm 1960 (là mẹ đẻ của anh Bùi Quang T1) và cơ sở Thôn H, xã QT, huyện Q thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Bùi Quang T1 là vợ chồng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì gia đình và cơ sở thôn không biết, chỉ biết từ tháng 6/2017 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Dương sinh sống, còn anh T1 sinh sống tại xã QT sau đó có đi làm ăn xa. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T1 gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Bùi Quang T1 có 02 con chung là Bùi Thị Như Q sinh ngày 07/02/2011 và Bùi Thảo C sinh ngày 14/11/2016, hiện đang ở với chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T, anh T1 ly hôn về con chung và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Gia đình và cơ sở thôn không biết rõ.

Anh Bùi Quang T1 và chị Đặng Thị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng anh T1 đi làm ăn ở Đồng Nai, địa chỉ cụ thể thì gia đình và cơ sở thôn không biết nhưng anh T1 thường xuyên liên hệ về gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến về chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Bùi Quang T1; Về con chung: giao con chung Bùi Thị Như Q sinh ngày 07/02/2011 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Thảo C sinh ngày 14/11/2016 chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; Về án phí: chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị T khởi kiện ly hôn với anh Bùi Quang T1, do anh T1 là bị đơn cư trú tại Thôn H, xã QT, huyện Q, tỉnh T1 Bình nên TAND huyện Q, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị T và anh Bùi Quang T1 xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân xã QT, huyện Q, tỉnh T1 Bình cấp đăng ký kết hôn số 41 ngày 04/12/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 5/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu Tẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu Tẫn căng thẳng vào ngày 6/2017, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn, chị xin ly hôn anh T1, chính quyền địa phương đã động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T1 không có mặt, anh có quan điểm nhất trí ly hôn chị T. Điều đó cho thấy mâu Tẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được, hôn nhân

của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Bùi Quang T1 có Bùi Thị Như Qsinh ngày 07/02/2011 và Bùi Thảo C sinh ngày 14/11/2016. Ly hôn, chị T và anh T1 nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Chi, còn anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con Quỳnh, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị T, anh T1 là chính đáng, anh, chị có điều kiện nuôi con ngang nhau, cháu Q lớn hơn có nguyện vọng ở với bố cũng được, ở với mẹ cũng được nên cần giao con Q cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu C nhỏ hơn cần được sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của mẹ nên cần giao con C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đáp ứng được yêu cầu các đương sự và phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Đặng Thị T và anh Bùi Quang T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T và anh Bùi Quang T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn Bùi Quang T1.

2.Về nuôi con chung: Xử giao con chung Bùi Thị Như Q sinh ngày 07/02/2011 cho cho anh Bùi Quang T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Thảo C sinh ngày 14/11/2016 cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4.Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai T số 0004404 ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q được chuyển thành tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Quang T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã QT, h.Quỳnh Phụ (Nơi đăng ký kết hôn) ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(*Đã ký*)